

KẾ HOẠCH

**tổng kết Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị
về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ XIII của Đảng**

Thực hiện Kế hoạch số 102-KH/TU, ngày 12/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng tổng kết Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (gọi tắt là *Chỉ thị 35-CT/TW*); Ban Thường vụ Huyện ủy Di Linh xây dựng kế hoạch tổng kết Chỉ thị số 35-CT/TW, cụ thể như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Việc tổng kết nhằm đánh giá đầy đủ, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của địa phương về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

1.2. Yêu cầu

Tổng kết từ cấp cơ sở và cấp huyện; quá trình tổng kết cần phát huy trách nhiệm của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng; cán bộ, đảng viên. Báo cáo cần bám sát nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW, đề cương báo cáo; biểu số liệu đính kèm; đánh giá nghiêm túc, khách quan, đầy đủ, toàn diện kết quả đạt được, những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW.

2. Nội dung

Các cấp ủy bám sát nội dung của Chỉ thị số 35-CT/TW, đề cương báo cáo, các biểu thống kê số liệu đính kèm để lãnh đạo, chỉ đạo việc tổng kết từ cấp cơ sở đến cấp huyện, cụ thể:

- *Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy*: Tổng hợp, gửi báo cáo và phụ lục số liệu theo Biểu 3a về Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Ban Tổ chức Huyện ủy); trước ngày **24/01/2024**.

- *Cấp huyện*: Chỉ đạo, tiến hành tổng kết tại Hội nghị Ban chấp hành để thảo luận báo cáo tổng kết; gửi báo cáo và các biểu 2a, 3, 4a về Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước ngày **01/02/2024**.

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy căn cứ Kế hoạch này, chủ động triển khai thực hiện việc xây dựng báo cáo tổng kết và gửi về Ban Thường vụ Huyện ủy đúng tiến độ, yêu cầu đề ra. Đồng chí Bí thư cấp ủy chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng báo cáo tổng kết ở cấp mình.

3.2. Ban Tổ chức Huyện ủy theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Kế hoạch này. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết các biểu 2a, 3, 4a để báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Huyện ủy; phối hợp với Văn phòng Huyện ủy tham mưu tổ chức tổng kết, đảm bảo yêu cầu, tiến độ kế hoạch đề ra.

3.3. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Huyện ủy viên theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo việc xây dựng báo cáo tổng kết ở các tổ chức cơ sở đảng nơi được phân công phụ trách theo dõi địa bàn.

3.4. Văn phòng Huyện ủy chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Huyện ủy chuẩn bị các điều kiện phục vụ hội nghị; đề xuất thời gian tổ chức Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ huyện trước ngày **31/01/2024**. Sau hội nghị tổng hợp, hoàn thiện dự thảo báo cáo tổng kết, trình Thường trực Huyện ủy ký ban hành và gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước ngày **01/02/2024**. *kcw*

Nơi nhận: *mc*

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo),
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo),
- Thường trực Huyện ủy,
- Các đồng chí UV BTV, HUV (khóa XV),
- UBMTTQVN và các đoàn thể huyện,
- Các TCCS đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Lưu VPHU, BTCHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



K' Broi

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**tổng kết Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị
về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng**
(theo Kế hoạch số 156 -KH/HU, ngày 16/01/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

PHẦN I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác quán triệt, tổ chức thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị và Hướng dẫn của Trung ương.

2. Việc cụ thể hóa Chỉ thị của Bộ Chính trị, Hướng dẫn của Trung ương, của cấp ủy cấp trên và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp mình để triển khai thực hiện.

3. Công tác kiểm tra, đôn đốc, xử lý những vấn đề phát sinh.

PHẦN II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN (theo nội dung của Chỉ thị 35)

1. Về yêu cầu (theo mục I, Chỉ thị 35)

2. Về nội dung:

2.1. Nội dung đại hội đảng bộ các cấp.

2.2. Chuẩn bị văn kiện đại hội và tổ chức thảo luận.

2.3. Về chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy:

2.3.1. Công tác chuẩn bị nhân sự trước đại hội: Rà soát, bổ sung quy hoạch; chuẩn bị đề án, phương án nhân sự và định hướng xây dựng cấp ủy khóa mới trình cấp ủy cấp trên và đại hội.

2.3.2. Tiêu chuẩn cấp ủy viên.

2.3.3. Thời điểm tính tuổi và độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

2.3.4. Cơ cấu và số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy.

2.3.5. Quy trình nhân sự cấp ủy.

2.3.6. Thực hiện bầu cử tại đại hội: Việc ứng cử, đề cử và bầu cử cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra; lấy phiếu giới thiệu của đại biểu về nhân sự bí thư cấp ủy; bầu bí thư cấp ủy tại đại hội; việc thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng.

2.3.7. Việc thực hiện một số chủ trương:

- Bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND các cấp.

- Bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND ở cấp huyện, cấp xã đối với những nơi có đủ điều kiện.

- Mỗi đồng chí thường trực cấp ủy các cấp không giữ quá 2 chức danh trong

các chức danh chủ chốt (*bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND*).

- Bí thư cấp ủy, chủ tịch UBND và một số chức danh lãnh đạo cấp trưởng không là người địa phương.

- Bí thư cấp ủy, chủ tịch UBND cấp huyện và tương đương trở lên giữ chức vụ không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp (*8 năm*).

- Đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy.

2.4. Cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn đại biểu và việc bầu cử đại biểu dự đại hội cấp trên.

2.5. Thời gian tiến hành đại hội đảng bộ các cấp.

2.6. Việc phân công cấp ủy khóa mới; sắp xếp, bố trí và thực hiện chính sách cán bộ sau đại hội:

- Việc phân công cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, thường trực cấp ủy theo đề án nhân sự đại hội đã được cấp có thẩm quyền thông qua.

- Thời điểm thôi giữ chức vụ lãnh đạo HĐND, UBND, các chức danh lãnh đạo cơ quan Nhà nước; việc sắp xếp, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp ủy viên không đủ tuổi tái cử, hoặc không đủ tiêu chuẩn về trình độ để tiếp tục tái cử.

- Việc kiện toàn, bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, thường trực cấp ủy và việc thi hành kỷ luật đối với cấp ủy viên trong nhiệm kỳ.

2.7. Việc hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ, báo cáo cấp ủy cấp trên để chuẩn y kết quả bầu cử.

PHẦN III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và nguyên nhân (*khách quan, chủ quan*).

2. Hạn chế và nguyên nhân (*khách quan, chủ quan*).

3. Bài học kinh nghiệm.

PHẦN IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Lưu ý: Đối với các Đảng bộ cơ sở đánh giá thêm nội dung kết quả đại hội các chi bộ trực thuộc và đại hội đảng bộ.

BIỂU 2a: TÌNH HÌNH, CHẤT LƯỢNG CẤP ỦY CẤP TRÊN CƠ SỞ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Chỉ tiêu	Cấp ủy viên				Ủy ban Kiểm tra		
	Tổng số	Ủy viên BTV	Bí thư	Phó Bí thư	Tổng số	Chủ nhiệm	Phó chủ nhiệm
I. Số lượng theo quy định							
II. Số lượng bầu thiếu							
III. Số lượng được bầu tại đại hội							
- Tham gia lần đầu							
- Nữ							
- Dân tộc thiểu số							
- Tôn giáo							
- Cán bộ không là người địa phương							
1. Độ tuổi (tính tại thời điểm đầu nhiệm kỳ đại hội)							
- Dưới 35 tuổi							
- Từ 35 đến dưới 40 tuổi							
- Từ 40 đến 50 tuổi							
- Trên 50 tuổi							
- Tuổi bình quân							
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ							
- Trung cấp							
- Cao đẳng							
- Đại học							
- Thạc sĩ							
- Tiến sĩ							
3. Học hàm							
- Phó giáo sư							
- Giáo sư							
4. Trình độ LLCT							
- Sơ cấp							
- Trung cấp							
- Cao cấp, cử nhân							
IV. Số lượng không đủ tuổi tái cử nhiệm kỳ 2020-2025 (đã thực hiện chế độ, chính sách)							
V. Số lượng được bổ sung trong nhiệm kỳ 2020-2025							
VI. Số lượng bị thi hành kỷ luật trong nhiệm kỳ 2020-2025							
- Khiển trách							
- Cảnh cáo							
- Cách chức							
- Bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khởi tố, bắt giam, phạt tù)							
VII. Thời gian công tác còn lại trong nhiệm kỳ 2020-2025 (thời điểm tính tháng 6/2025)							
- Dưới 30 tháng							
- Từ 30 đến 36 tháng							
- Trên 36 tháng							

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BIỂU 3: TÌNH HÌNH, CHẤT LƯỢNG CẤP ỦY CẤP CƠ SỞ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

A- Tổng số đảng bộ cơ sở: đảng bộ.

- 1. Số đảng bộ xã: ...
- 2. Số đảng bộ phường: ...
- 3. Số đảng bộ thị trấn: ...
- 4. Số đảng bộ cơ sở khác: ...
- 5. Số chi bộ cơ sở: ...
- 6. Tổ chức đảng trực thuộc đảng bộ cơ sở: ...
- Đảng bộ bộ phận:....
- Chi bộ trực thuộc:....

B- Tình hình, chất lượng cấp ủy

Chỉ tiêu	Cấp ủy viên				Ủy ban Kiểm tra		
	Tổng số	Ủy viên BTV	Bí thư	Phó Bí thư	Tổng số	Chủ nhiệm	Phó chủ nhiệm
I. Số lượng theo quy định							
II. Số lượng bầu thiếu							
III. Số lượng được bầu tại đại hội							
- Tham gia lần đầu							
- Nữ							
- Dân tộc thiểu số							
- Tôn giáo							
- Cán bộ không là người địa phương							
1. Độ tuổi (tính tại thời điểm đầu nhiệm kỳ đại hội)							
- Dưới 35 tuổi							
- Từ 35 đến dưới 40 tuổi							
- Từ 40 đến 50 tuổi							
- Trên 50 tuổi							
- Tuổi bình quân							
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ							

Chỉ tiêu	Cấp ủy viên				Ủy ban Kiểm tra		
	Tổng số	Ủy viên BTV	Bí thư	Phó Bí thư	Tổng số	Chủ nhiệm	Phó chủ nhiệm
- Trung cấp							
- Cao đẳng							
- Đại học							
- Thạc sĩ							
- Tiến sĩ							
3. Học hàm							
- Phó giáo sư							
- Giáo sư							
4. Trình độ LLCT							
- Sơ cấp							
- Trung cấp							
- Cao cấp, cử nhân							
IV. Số lượng không đủ tuổi tái cử nhiệm kỳ 2020-2025 (đã thực hiện chế độ, chính sách)							
V. Số lượng được bổ sung trong nhiệm kỳ 2020-2025							
VI. Số lượng bị thi hành kỷ luật trong nhiệm kỳ 2020-2025							
- Khiển trách							
- Cảnh cáo							
- Cách chức							
- Bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khởi tố, bắt giam, phạt tù)							
VII. Thời gian công tác còn lại trong nhiệm kỳ 2020-2025 (thời điểm tính tháng 4/2025)							
- Dưới 30 tháng							
- Từ 30 đến 36 tháng							
- Trên 36 tháng							

BIỂU 3a: TÌNH HÌNH, CHẤT LƯỢNG CẤP ỦY CẤP CƠ SỞ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

A. Tổ chức đảng trực thuộc đảng bộ cơ sở: ...

- Đảng bộ bộ phận:.....
- Chỉ bộ trực thuộc:...

B- Tình hình, chất lượng cấp ủy

Chỉ tiêu	Cấp ủy viên				Ủy ban Kiểm tra		
	Tổng số	Ủy viên BTV	Bí thư	Phó Bí thư	Tổng số	Chủ nhiệm	Phó chủ nhiệm
I. Số lượng theo quy định							
II. Số lượng bầu thiếu							
III. Số lượng được bầu tại đại hội							
- Tham gia lần đầu							
- Nữ							
- Dân tộc thiểu số							
- Tôn giáo							
- Cán bộ không là người địa phương							
I. Độ tuổi (tính tại thời điểm đầu nhiệm kỳ đại hội)							
- Dưới 35 tuổi							
- Từ 35 đến dưới 40 tuổi							
- Từ 40 đến 50 tuổi							
- Trên 50 tuổi							
- Tuổi bình quân							
2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ							
- Trung cấp							
- Cao đẳng							

Chỉ tiêu	Cấp ủy viên				Ủy ban Kiểm tra		
	Tổng số	Ủy viên BTV	Bí thư	Phó Bí thư	Tổng số	Chủ nhiệm	Phó chủ nhiệm
- Đại học							
- Thạc sĩ							
- Tiến sĩ							
3. Học hàm							
- Phó giáo sư							
- Giáo sư							
4. Trình độ LLCT							
- Sơ cấp							
- Trung cấp							
- Cao cấp, cử nhân							
IV. Số lượng không đủ tuổi tái cử nhiệm kỳ 2020-2025 (đã thực hiện chế độ, chính sách)							
V. Số lượng được bổ sung trong nhiệm kỳ 2020-2025							
VI. Số lượng bị thi hành kỷ luật trong nhiệm kỳ 2020-2025							
- Khiển trách							
- Cảnh cáo							
- Cách chức							
- Bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khởi tố, bắt giam, phạt tù)							
VII. Thời gian công tác còn lại trong nhiệm kỳ 2020-2025 (thời điểm tính tháng 4/2025)							
- Dưới 30 tháng							
- Từ 30 đến 36 tháng							
- Trên 36 tháng							

BIỂU 4a: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG THEO CHỈ THỊ 35 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRONG NHIỆM KỲ 2020-2025

Chỉ tiêu	Cấp huyện	Cấp cơ sở
1. Số lượng cấp ủy tái cử khóa mới		
Trong đó:		
Tái cử cấp ủy nhưng không Tái cử chức vụ chính quyền		
- Tái cử cấp ủy nhưng không tái cử chức vụ MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội		
2. Số lượng bí thư cấp ủy được bầu		
Trong đó:		
- Bí thư đồng thời là chủ tịch HĐND		
- Bí thư đồng thời là chủ tịch UBND		
- Bí thư được bầu tại đại hội		
- Bí thư thực hiện chủ trương không giữ chức vụ quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp (8 năm) ở một địa phương		
3. Số lượng phó bí thư là chủ tịch HĐND		
4. Số lượng ủy viên ban thường vụ là chủ tịch HĐND		
5. Số lượng ủy viên ban thường vụ hoặc cấp ủy viên là Trưởng đoàn (hoặc phụ trách) đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV của địa phương		
6. Số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy, trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch ủy ban MTTQ cấp tỉnh, cấp huyện		
7. Cán bộ không là người địa phương		
Trong đó:		
- Bí thư cấp ủy		
- Chủ tịch UBND		
- Chánh án TAND		
- Viện trưởng VKSND		
- Giám đốc, trưởng công an		
- Một số chức danh khác (thanh tra, tài chính, thuế, hải quan,...)		

T/M BAN THƯỜNG VỤ